

PHỤ LỤC 3. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 861 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Tiêu chí đánh giá Đơn vị vận tải để vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 15, 16, 17 và 18 của Thông tư 92/2015/TT-BGTVT ngày 30/12/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định về quy trình lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô, được thực hiện qua 04 bước:

Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ;

Bước 2: Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và điều kiện kinh doanh **theo tiêu chí đạt – không đạt**;

Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo thang điểm.

Bước 4: Tổng hợp kết quả đánh giá

3.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và điều kiện kinh doanh

Đối với Đơn vị vận tải liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì đơn vị vận tải liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với Đơn vị vận tải chính (Đơn vị vận tải độc lập hoặc thành viên của Đơn vị vận tải liên danh) được sử dụng theo tiêu chí "Đạt", "Không đạt".

Hồ sơ đề xuất (HSDX) của Đơn vị vận tải được đánh giá "Đạt tất cả các chỉ tiêu dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm và được xem xét tiếp.

HSDX của Đơn vị vận tải được đánh giá "Không đạt" một trong các chỉ tiêu dưới đây thì sẽ bị loại và không được xem xét tiếp.

a. Tư cách hợp lệ:

STT	Nội dung	Mức yêu cầu để được đánh giá đạt	Đạt	Không đạt
1	Tư cách hợp lệ của Đơn vị vận tải	<p>1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, giấy chứng nhận đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cấp và còn giá trị tại thời điểm xét HSDX, trong đó được kinh doanh vận tải hành khách.</p> <p>2. Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải bằng xe buýt theo tuyến cố định do Sở Giao thông vận tải Thừa Thiên Huế hoặc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp và còn giá trị tại thời điểm xét HSDX.</p> <p>3. Hạch toán tài chính độc lập. Đơn vị vận tải nộp Đơn đăng ký thực hiện hình thức, chế độ kế toán, hóa đơn được cơ quan thuế xác nhận (hoặc tài liệu chứng minh khác) thể hiện nội dung hình thức hạch toán của Đơn vị vận tải là hạch toán tài chính độc lập.</p> <p>4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự chào hàng cạnh tranh, tham dự thầu theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Tất cả tài liệu và các giấy tờ có liên quan để chứng minh tiêu chí lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ của Đơn vị vận tải phải là bản sao hợp lệ còn giá trị pháp lý tại thời điểm xét HSDX.</p> <p>7. Có Phương án khai thác tuyến được lập theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT.</p>	Phải thỏa mãn tất cả yêu cầu này	Không thỏa mãn một trong các yêu cầu này

b. Tiêu chí về năng lực tài chính:

STT	Nội dung	Mức yêu cầu để được đánh giá đạt	Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu về năng lực tài chính của Đơn vị vận tải	<p>1. Đơn vị vận tải phải đảm bảo có đủ năng lực về tài chính:</p> <p>Giá trị tài sản ròng của Đơn vị vận tải trong năm 2019 phải dương (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ);</p> <p>2. Báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán (năm 2017 đến năm 2019) được hoàn thành và được kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính được cơ quan thuế xác nhận nộp.</p> <p>3. Báo cáo kiểm toán phải đảm bảo các nội dung: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo tài chính; Bảng thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	Phải thỏa mãn tất cả yêu cầu này	Không thỏa mãn một trong các yêu cầu này

c. Tiêu chí về phương tiện:

STT	Nội dung	Mức yêu cầu để được đánh giá đạt	Đạt	Không đạt
1	Về phương tiện	<p>Phương tiện phải được đầu tư mới 100%, chưa qua sử dụng, có sức chứa từ 40 người (ngồi+đứng) trở lên. Phương tiện mới 100%, sản xuất tối thiểu năm 2019 và chưa qua sử dụng</p> <p>Bên dự thầu phải cung cấp danh sách phương tiện và chứng minh phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật. Trường hợp chưa có phương tiện thì phải có Hợp đồng được ký với Đơn vị cung cấp phương tiện đảm bảo nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư phương tiện theo quy định của HSYC.</p>	Phải thỏa mãn tất cả yêu cầu này	Không thỏa mãn yêu cầu này

STT	Nội dung	Mức yêu cầu để được đánh giá đạt	Đạt	Không đạt
		<p>Đối với các xe thuộc sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác thì Bên nhận đặt hàng đính kèm biên bản thỏa thuận hoặc ủy quyền của tổ chức, cá nhân đó đối với các phương tiện trên đã giao cho Bên nhận đặt hàng quyền sử dụng nhằm đảm nhận hoạt động trên tuyến theo đúng quy định của pháp luật.</p> <p>Số lượng tối thiểu: <i>phải đảm bảo đủ số chuyến xe chạy trong ngày quy định tại mục Phụ lục II của Quyết định này.</i></p>		

3.2 Đánh giá về kỹ thuật của đơn vị theo Hồ sơ lựa chọn:

Trường hợp có từ 02 (hai) Đơn vị vận tải trở lên cùng nộp HSDX và được đánh giá “Đạt” ở mục 3.1 thì thứ tự lựa chọn căn cứ trên **số điểm đánh giá từ cao xuống thấp** với cách tính điểm theo bảng điểm đánh giá được thể hiện trong bảng dưới đây. Trường hợp chỉ có 01 Đơn vị vận tải vượt qua bước 3.1 thì số điểm phải **vượt qua mức điểm tối thiểu** thì mới được xem xét lựa chọn.

STT	Mức đánh giá	Mức điểm chi tiết	Mức điểm tối đa	Mức điểm tối thiểu
1	Tiêu chuẩn khí thải		10	5
	Đạt tiêu chuẩn khí thải Euro IV trở lên	5-10		
2	Số bậc lên xuống của xe đưa vào khai thác		7	6
	02 bậc	7		
	Có đến 80% xe trở lên có 03 bậc lên xuống	3-6		
3	Nhiên liệu sử dụng		8	7
	Nhiên liệu thân thiện môi trường (khí ga tự nhiên nén CNG, xe điện, xe chạy hỗn hợp dầu diesel (hoặc xăng) và điện)	8		
	Dầu diesel	7		
	Xăng	5		
4	Hiện thị thông tin lộ trình tuyến		3	1
	Hiện thị thông tin lộ trình tuyến bằng bảng điện tử	3		
	Hiện thị thông tin lộ trình tuyến bằng thủ công	1-2		
5	Lắp đặt camera và wifi trên xe		3	1
	Có cả wifi, camera	3		
	Chỉ có camera hoặc wifi	1		
	Không lắp đặt camera và wifi	0		
6	Ứng dụng CNTT, công nghệ GIS để quản lý, điều hành vận tải		3	1

STT	Mức đánh giá	Mức điểm chi tiết	Mức điểm tối đa	Mức điểm tối thiểu
	Có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ GIS để điều hành vận tải, chứng minh bằng tài liệu thực tế hoạt động	1-3		
	Chưa có ứng dụng	0		
7	Kinh nghiệm hoạt động VTHKCC bằng xe buýt không trợ giá		6	3
	Đã hoạt động ở trên 2 tỉnh thành trực thuộc trung ương trở lên.	6		
	Đã hoạt động ở 1 tỉnh thành trực thuộc trung ương.	3		
	Chưa hoạt động VTHKCC bằng xe buýt không trợ giá	0		
8	Kinh nghiệm hoạt động vận tải hành khách đường bộ		15	5
	Trên 05 năm	15		
	Từ 3 đến 05 năm	10		
	Dưới 3 năm	5		
9	Người trực tiếp điều hành thực hiện gói thầu có số năm liên tục tham gia công tác quản lý vận tải tại các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bằng xe ô tô		15	7
	<i>- Số lượng cán bộ trực tiếp trên 5 người, đạt:</i>			
	+ Kinh nghiệm trên 05 năm	15		
	+ Kinh nghiệm dưới 05 năm	7		
	<i>- Số lượng cán bộ trực tiếp dưới 5 người:</i>			
	+ Kinh nghiệm trên 05 năm	7		
	+ Kinh nghiệm dưới 05 năm	5		

STT	Mức đánh giá	Mức điểm chi tiết	Mức điểm tối đa	Mức điểm tối thiểu
10	Cam kết tiến độ cung cấp dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt (đơn vị vận tải phải đưa xe vào hoạt động trên tuyến sau khi ký kết hợp đồng)		5	3
	Có cam kết cung cấp tín dụng phù hợp với số lượng xe đưa vào hoạt động của ngân hàng	5		
	Có cam kết về tiến độ cung cấp dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt phù hợp với yêu cầu về tiến độ trong hồ sơ	1-3		
	Không có cam kết hoặc có cam kết về tiến độ cung cấp dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt nhưng không phù hợp với yêu cầu về tiến độ trong hồ sơ	0		
11	Chính sách giảm giá vé			
11.1	Chính sách giảm giá vé đối tượng đặc biệt		5	3
	Giảm giá vé cho người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, Giảm giá vé cho người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, (mỗi mức giảm tương đương 10% được cộng 1 điểm)	1-5		
11.2	Chính sách giảm giá vé học sinh, sinh viên		5	2
	Giảm giá vé cho học sinh và sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề (mỗi mức giảm tương đương 10% được cộng 1 điểm)	1-5		
12	Cam kết chất lượng dịch vụ vận tải		5	3
	Có cam kết bằng văn bản về đón, trả khách đúng điểm dừng, nhà chờ	2		

STT	Mức đánh giá	Mức điểm chi tiết	Mức điểm tối đa	Mức điểm tối thiểu
	Có cam kết bằng văn bản về hoạt động đúng theo tần suất chạy xe đã đăng ký	1		
	Có cam kết bằng văn bản về thực hiện theo đúng biểu đồ hoạt động trên tuyến khi được phê duyệt hoặc khi có yêu cầu điều chỉnh của cơ quan chức năng	2		
13	Cam kết Quyền lợi của hành khách		5	3
	Cam kết thực hiện đầy đủ các quyền lợi của hành khách theo quy định	2		
	Có xây dựng quy trình tiếp nhận, xử lý kịp thời các khiếu nại của hành khách	1		
	Có cam kết phục vụ tốt người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai	2		
14	Quảng cáo trên xe buýt		5	0
	Có hỗ trợ địa phương quảng cáo trên thân xe về các thông tin chính trị - xã hội	1-5		
TỔNG CỘNG			100	50

- Các tiêu chí không ghi số lượng % xe được hiểu là 100% xe đạt yêu cầu thì mới đạt điểm.

- Trường hợp Đơn vị vận tải cam kết **không đúng và đủ** về phương tiện theo yêu cầu của hồ sơ lựa chọn thì sẽ bị xem xét loại (thời gian sẽ quy định trong thương thảo hợp đồng).